

Vietnam Monthly Review

2019 M05

BSC Research

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11, Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Hồ Chí Minh

Tầng 9, 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3812 8885

Fax: +84 8 3812 8510

Kinh tế vĩ mô

- Chỉ số PMI giảm nhẹ từ mức 52.5 xuống mức 52 trong tháng 05, và thấp hơn mức trung bình của năm 2018 là 53.7 điểm.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 5 tháng ước đạt 1,983.7 nghìn tỷ đồng tăng 11.6% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 8.6%.
- Trong 5 tháng, FDI đăng ký tăng 38.7% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân tăng 7.8% so với năm ngoái. Vốn FDI tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến chế, chế tạo.
- Tỷ giá USD liên ngân hàng giao động trong khoảng 23,310– 23,480 VND/USD, tăng nhẹ so với biên độ 23,250– 23,330 VND/USD trong tháng 04. Lãi suất liên ngân hàng tại tăng nhẹ trong 2 tuần đầu tháng và giảm mạnh trong 2 tuần cuối tháng.

Thị trường chứng khoán

- HSX và HNX điều chỉnh nhẹ. VN-Index chính thức giảm 19.8 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (-2.02% MoM), (+7.54%YTD) và HNX-Index giảm 3.11 điểm (-2.89% MoM), (+0.12% YtD).
- Thanh khoản bình quân trên 2 sàn tăng 11.14% so với tháng 4/2019, và tăng lên mức 4,342 tỷ đồng/ phiên và tương ứng với gần 187.16 triệu USD/phiên.
- Trong tháng 4, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX 3833 tỷ đồng, bán ròng 270 tỷ đồng trên sàn HNX.
- P/E của VN-Index giảm xuống mức 16.57 tương ứng -1.77% MoM, +10.23% YtD và HNX-Index giảm về mức 7.79 tương ứng -5.73% MoM, -10.54% YtD. So với tháng 4/2019, P/E của chỉ số VN-Index duy trì vị trí thứ 9 và HNX-Index tiếp tục giữ vị trí thứ 19 trong khu vực Châu Á.

Nhận định thị trường tháng 6

VN-Index đang kiểm tra ngưỡng hỗ trợ 950 điểm với thanh khoản thấp. Các nhóm cổ phiếu lớn và các ngành chủ chốt sẽ sớm quay lại hỗ trợ thị trường. VN-Index tiếp tục dự báo sẽ vận động 950 điểm - 1,000 điểm trong tháng 6. Xu hướng giảm điểm lập đáy trong tuần đầu tháng 6, sau đó ổn định và hồi phục dần vào cuối tháng. Trong tháng 6, BSC đưa ra 2 kịch bản như sau:

- Trường hợp tích cực, VN-Index giữ trên 950 điểm và sẽ kiểm tra 1,000 điểm. Thanh khoản tăng dần vào cuối tháng với sự luân chuyển các ngành và hoạt động đón đầu KQKD quý II.
- Trường hợp tiêu cực, VN-Index có thể giảm dưới 950 điểm nếu có những thông tin bất lợi từ thế giới.
- **Cổ phiếu khuyến nghị:**
 - Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng Ngành năm 2019 ([Link](#)) và Báo cáo triển vọng ngành quý II ([Link](#));
 - Nhóm cổ phiếu Cảng biển, Dệt may, Thủy sản, Đồ gỗ nội thất và Khu công nghiệp hưởng lợi từ hiệp định thương mại và chuyển dịch sản xuất từ chiến tranh thương mại;
 - Nhóm cổ phiếu giao dịch dựa vào từ biến động từ NVL và giá dầu;
 - Các cổ phiếu có tính phòng thủ cao như Điện, Công nghệ thông tin – bưu chính, Tiêu dùng bán lẻ có mức tăng trưởng và cổ tức cao;
 - Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo chiến lược ngành quý IV ([Link](#)), các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([Link](#)).

Bức tranh vĩ mô tháng 05/2019

Tăng trưởng kinh tế

- Chỉ số PMI giảm từ mức 52.5 của tháng 04 xuống mức 52 điểm trong tháng 5, và thấp hơn mức trung bình của năm 2018 là 53.7 điểm.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 5/2019 ước tính tăng 4.6% so với tháng trước và tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm 1.5%; ngành chế biến, chế tạo tăng 11.6%; sản xuất và phân phối điện tăng 11%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8.4%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, IIP ước tính tăng 9.4% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 10.3% của cùng kỳ năm 2018

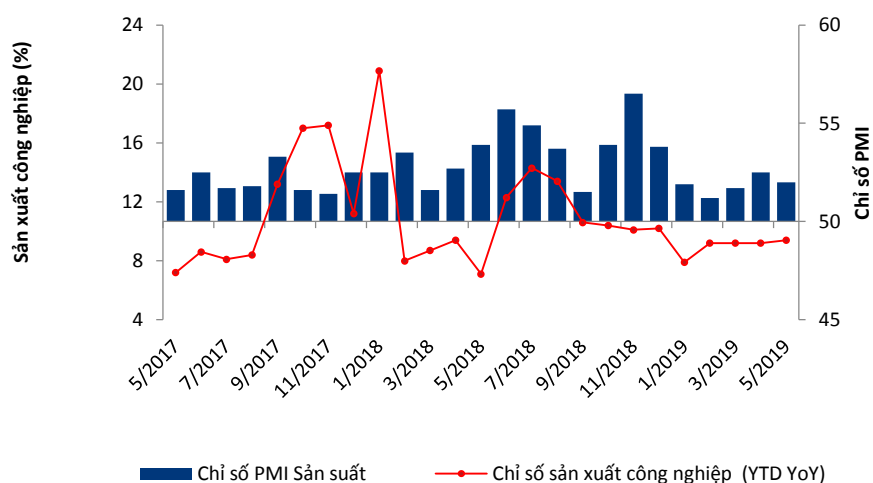
Trong các ngành công nghiệp cấp II, top 3 ngành có chỉ số sản xuất tháng 04 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 84%; sản xuất kim loại tăng 40.5%; khai thác quặng kim loại tăng 14.9%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 5 tháng đầu năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Xăng, dầu tăng 74.7%; sắt, thép thô tăng 66.2%; ti vi tăng 34.2%; khí hóa lỏng (LPG) tăng 26.2%; ô tô tăng 17.1%; phân u rê tăng 14.9%; sơn hóa học tăng 14.5%; thức ăn cho thủy sản tăng 13%; than sạch tăng 12.7%.

Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: Thuốc lá điều tăng 2.6%; sữa bột tăng 2.5%; khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 0.2%; thức ăn cho gia súc giảm 1.6%; phân hỗn hợp NPK giảm 2.9%; dầu thô khai thác giảm 8%; đường kính giảm 13.6%; linh kiện điện thoại giảm 17.9%.

Đồ thị 1

Chỉ số sản xuất công nghiệp & PMI



Nguồn: GSO, Markit, BSC Research

Chỉ số PMI giảm từ mức 52.5 của tháng 04 xuống mức 52 điểm trong tháng 5, và thấp hơn mức trung bình của năm 2018 là 53.7 điểm. Các nhà sản xuất Việt Nam có thêm một tháng có các điều kiện kinh doanh cải thiện trong tháng 5 với sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng nhanh hơn so với tháng 4. Nhu cầu khách hàng tăng được cho là nhân tố chính dẫn đến tăng trưởng trong kỳ gần đây, và yêu cầu tăng sản lượng đã thúc đẩy hoạt động mua hàng và làm tăng hàng tồn kho đầu vào. Cụ thể:

- Sức khỏe của lĩnh vực sản xuất được ghi nhận cải thiện chậm hơn mặc dù cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều tăng mạnh hơn. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng mạnh trong tháng 5.
- Lĩnh vực sản xuất hàng hóa đầu tư cơ bản có kết quả hoạt động tốt nhất trong tháng 5 khi có mức tăng trưởng nhanh nhất về sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới.
- Mức giảm nhẹ của chỉ số chính chủ yếu phản ánh mức giảm về việc làm lần thứ ba trong bốn tháng qua. Số lượng việc làm giảm nhẹ, và các thành viên nhóm khảo sát chủ yếu cho rằng nguyên nhân là do nhân viên nghỉ việc và nghỉ hưu.
- Các nhà sản xuất đã gia tăng hoạt động mua hàng với mức độ mạnh và nhanh hơn trong tháng 5 khi họ phải đáp ứng yêu cầu tăng sản lượng. Trong khi đó hàng tồn kho thành phẩm giảm trong tháng 5, từ đó kết thúc thời kỳ tăng kéo dài bảy tháng.
- Tốc độ tăng chi phí đầu vào đã giảm nhẹ và chậm hơn mức trung bình của lịch sử chỉ số. Ở những nơi giá cả đầu vào tăng, các thành viên nhóm khảo sát nêu nguyên nhân là do chi phí điện, xăng dầu tăng. Mức tăng chi phí tương đối yếu và nhu cầu yếu được báo cáo ở một số thị trường xuất khẩu khiến các công ty tiếp tục giảm nhẹ giá đầu ra trong tháng 5. Giá cả đầu ra đã giảm suốt sáu tháng liên tục.

Mức độ lạc quan trong kinh doanh đã được cải thiện tháng thứ ba liên tiếp thành mức cao nhất kể từ tháng 11 năm ngoái. Sự lạc quan về tăng trưởng sản lượng phản ánh kỳ vọng tăng số lượng đơn đặt hàng mới và việc đưa ra các sản phẩm mới.

Bên cạnh đó, chỉ số PMI của Trung Quốc tiếp tục suy giảm sâu và chạm mức 49.4 trong tháng 05 từ mức 50.2 của tháng 04. Chỉ số PMI suy yếu, giảm dưới ngưỡng 50.0 cho thấy nền kinh tế Trung Quốc đang có nguy cơ suy thoái. Bất chấp gói kích thích kinh tế 297 tỷ USD và 331 tỷ đô trái phiếu chính phủ địa phương cho vay các dự án cơ sở hạ tầng, chỉ số PMI suy giảm cho thấy sức khỏe nội tại và tính ổn định của nền kinh tế Trung Quốc ngày càng suy yếu. Xu hướng này sẽ củng cố thái độ đàm phán cứng rắn của Trump trong các cuộc đàm phán thương mại Hoa Kỳ-Trung Quốc sắp tới khi hiệu ứng.

Lạm phát

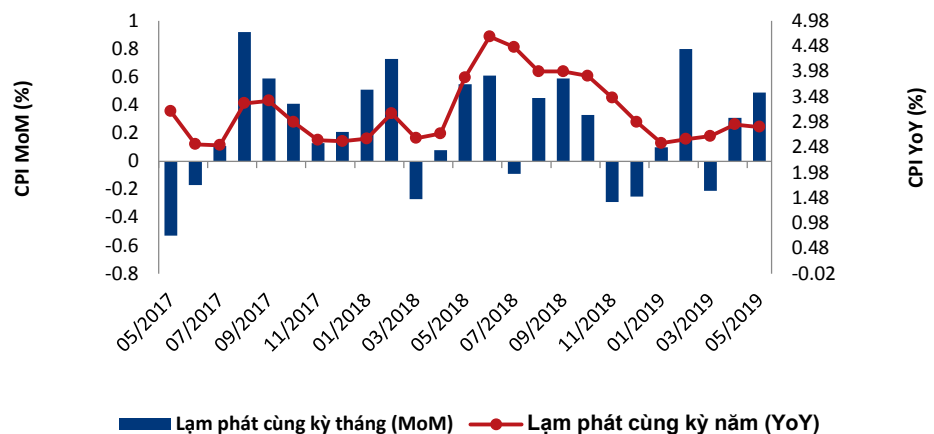
- CPI tháng 05 tăng +0.49% so với tháng 04 trong đó CPI của 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tháng 5 tăng so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI của tháng 05 tăng 0.49% so với tháng trước, và tăng 2.93% so với cùng kỳ năm 2018. Lạm phát cơ bản tháng 5/2019 tăng 0.13% so với tháng trước và tăng 1.9% so với cùng kỳ năm trước.

CPI bình quân 5 tháng đầu năm 2019 tăng 2.74% so với bình quân năm 2018. Lạm phát cơ bản bình quân 5 tháng đầu năm nay cũng tăng 1.85% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Đồ thị 2

Diễn biến CPI tháng



Nguồn: GSO, BSC Research

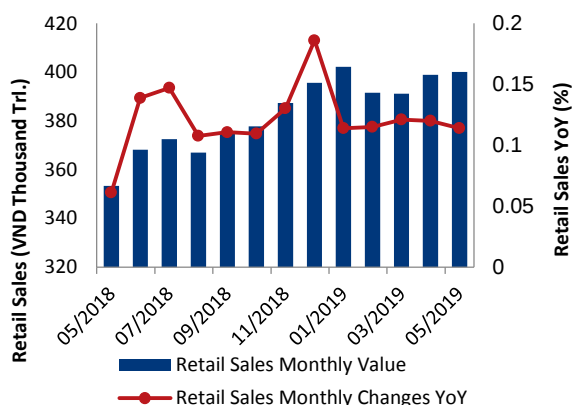
Trong tháng 05, chỉ số giá của 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ ghi nhận tăng giá. Biến động của CPI trong tháng được gây ra bởi những nguyên nhân sau:

- Nhóm giao thông có mức tăng cao nhất 2.69%**, chủ yếu do ảnh hưởng từ 2 đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu vào thời điểm 2/5/2019 và thời điểm 17/5/2019.
- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1.28%**, chủ yếu do giá điện sinh hoạt tăng 6.86% (tháng 04 là 1.85%) so với tháng trước.
- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0.18%.**

Tháng 5 và tháng 6 tới là chu kỳ cao điểm của việc sử dụng điện trong cả hoạt động sản xuất lẫn sinh hoạt gia đình. Việc gia tăng chi phí sản xuất do giá điện tăng sẽ thúc đẩy mặt bằng giá chung của các sản phẩm trên toàn nền kinh tế và khiến CPI tăng mạnh trong hai tháng tới. Điều này cũng sẽ khiến CPI bình quân cả năm tăng thêm 0.3% và duy trì ở mức 3.8-4.0%.

Đồ thị 3

Doanh số bán lẻ



Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 1

Tăng/giảm CPI các nhóm hàng hóa dịch vụ trong tháng

TT	Nhóm hàng hóa, dịch vụ	So với tháng trước (điểm %)	So với cùng kỳ (điểm %)
1	Hàng ăn và dịch vụ ăn	0.05	3.4
2	Giao thông	-0.05	2.28
3	Thuốc & dịch vụ y tế	-0.06	-0.31
4	Nhà ở & VLXD	1.28	4.21
5	Văn hóa giải trí	0.1	1.97
6	Đồ uống, thuốc lá	0.18	1.88
7	May mặc, mũ nón, giày	0.12	1.79
8	Thiết bị đồ dùng gia đình	0.11	1.32
9	Giáo dục	0.05	6.17
10	Bưu chính viễn thông	-0.05	-0.69
11	Khác	0.13	2.41

Nguồn: GSO, BSC Research

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5/2019 ước tính đạt 403.8 nghìn tỷ đồng, tăng 1.9% so với tháng trước và tăng 11.4% so với cùng kỳ năm 2018.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 306.9 nghìn tỷ đồng, tăng 1.7% và tăng 12.7%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 48.7 nghìn tỷ đồng, tăng 2.3% và tăng 9.6%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3.5 nghìn tỷ đồng, giảm 0.4% và tăng 10.3%; doanh thu dịch vụ khác đạt 44.7 nghìn tỷ đồng, tăng 3.6% và tăng 5.2%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1,983.7 nghìn tỷ đồng, tăng 11.6% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8.6% (cùng kỳ năm 2018 tăng 8.5%).

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- FDI đăng ký đạt 9.09 tỷ đô và tăng 38.7% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân đạt 7.3 tỷ đô và tăng 7.8% so với năm ngoái.

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến chế, chế tạo khi ngành này chiếm đến 73.5% tổng vốn đăng ký.

Tổng vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm đến hết 20/05/2019 của 1,363 dự án (+22.5% YoY) đạt 6.46 tỷ USD (+26.7% YoY), cộng với 2.63 triệu USD vốn đăng ký điều chỉnh của 505 dự án đã cấp phép trong các năm trước. Như vậy, tổng số vốn FDI đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm đạt 9.09 tỷ USD (+27.1% YoY).

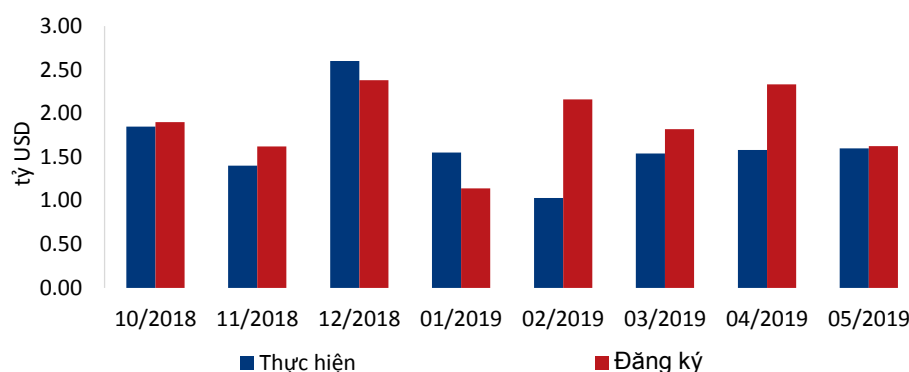
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 5 tháng ước tính đạt 7.3 tỷ USD, tăng 7.5% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong 5T2019, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký của các dự án được cấp phép mới đạt 4.74 tỷ USD, chiếm 73.5% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 742.3 triệu USD, chiếm 11.5%; các ngành còn lại đạt 971.2 triệu USD, chiếm 15%.

Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 5 tháng đạt 7.01 tỷ USD, chiếm 77.2% tổng vốn đăng ký; ngành hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 752.1 triệu USD, chiếm 8.3%; các ngành còn lại đạt 1.32 tỷ USD, chiếm 14.5%.

Đồ thị 4

Vốn FDI (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Top 3 khu vực thu hút FDI đăng ký cả nước: Tây Ninh (595.7 triệu USD – 9.1%), Bình Dương (589.9 triệu USD – 9.1%), Bắc Ninh (559.3 triệu USD – 8.7%).

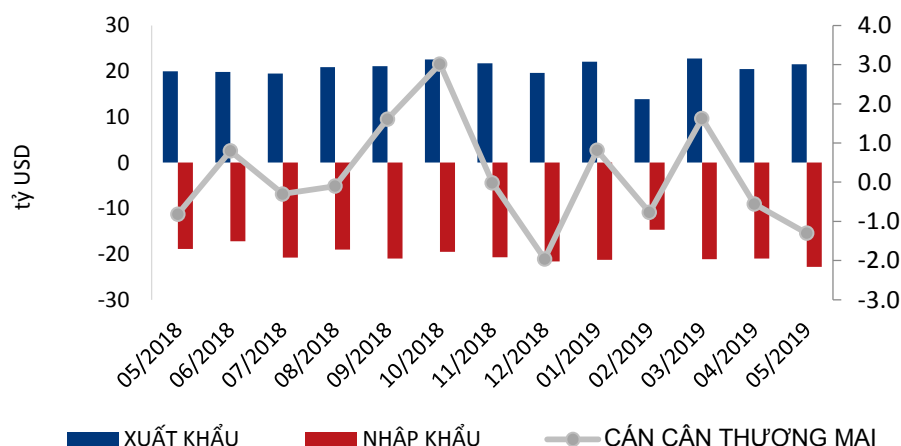
Trong 5T2019, Trung Quốc là nhà đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam với số vốn đầu tư 1.56 tỷ USD, chiếm 24.2% tổng vốn đăng ký cấp mới; theo sát phía sau là Hàn Quốc với 1.05 tỷ USD, chiếm 16.2% và Singapore với 842.7 triệu USD, chiếm 13%.

Thương mại, Xuất nhập khẩu

- Cán cân thương mại tháng 05 ước tính nhập siêu 1.3 tỷ USD
- Tính chung 5 tháng đầu năm nhập siêu 511 triệu USD, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 13.28 tỷ USD.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 05 ước đạt 21.5 tỷ USD, tăng 5.2% so với tháng trước, và tăng 7.5% so với cùng kỳ 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6.71 tỷ USD, tăng 3.9% so với tháng trước và 10.7% so với cùng kỳ năm trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 14.79 tỷ USD, tăng 5.8% so với tháng trước, và tăng 6.1% so với cùng kỳ năm trước.

Đồ thị 5
Xuất nhập khẩu (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 100.74 tỷ USD, tăng 6.7% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 30.33 tỷ USD, tăng 11.6% YoY; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 70.41 tỷ USD, tăng 4.7% YoY. Từ đầu năm đến 15/05, điện thoại linh kiện điện nằm ở vị trí đứng đầu, đạt 17.7 tỷ USD (+0.8%), tốc độ xuất khẩu chậm lại do hoạt động kinh doanh của Samsung đang gặp khó khăn. Tiếp đến, Dệt may tăng trưởng +10.7% đạt mức 10.87 tỷ. Điện tử máy tính ở vị trí thứ 3 đạt mức 10.63 tỷ (+11.1%).

Bảng 2

Top 10 mặt hàng xuất khẩu.

STT	Mặt hàng xuất khẩu	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện thoại, linh kiện	17.72	0.8%
2	Điện tử máy tính	10.87	10.7%
3	Dệt may	10.63	11.1%
4	Giày dép	6.17	14.5%
5	Máy móc, thiết bị khác	5.96	6.8%
6	Gỗ & SP từ gỗ	3.52	18.9%
7	PT vận tải & phụ tùng	3.15	5.7%
8	Thủy sản	2.75	-1.1%
9	Sắt thép	1.66	7.8%
10	Máy ảnh, quay phim	1.65	13.8%

Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 3

Top 10 hàng hóa nhập khẩu

STT	Mặt hàng NK	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện tử, máy tính	18.01	21.4%
2	Máy móc, thiết bị	13.25	16.3%
3	Vải	4.78	7.2%
4	Điện thoại, linh kiện	4.32	-8.7%
5	Sắt thép	3.60	1.7%
6	Chất dẻo	3.27	2.2%
7	Kim loại khác	2.36	-9.6%
8	SP chất dẻo	2.27	10.2%
9	NPL dệt may giày dép	2.16	5.4%
10	Xăng dầu	2.08	-37.0%

Nguồn: GSO, BSC Research

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 05 ước đạt 22.8 tỷ USD, tăng 8.6% so với tháng trước, và tăng 8.3% so với cùng kỳ 2018. Trong đó khu vực kinh tế

trong nước đạt 10.2 tỷ USD, tăng 8.4% so với tháng trước; và tăng 11.1% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 12.6 tỷ USD, tăng 8.8% so với tháng trước, và tăng 6.2% so với cùng kỳ năm trước.

Nhập khẩu tăng trưởng mạnh từ nhóm hàng hóa thiết bị công nghệ cao, đi kèm với tốc độ tăng trưởng tốt từ nhóm hàng hóa đầu tư cơ bản theo khảo sát PMI cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam đang nâng cấp và mở rộng quy mô sản xuất nhằm đáp ứng lượng đơn đặt hàng xuất khẩu phát sinh từ cuộc chiến thương mại Hoa Kỳ-Trung Quốc.

Tính chung 5T2019, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước tính đạt 101.28 tỷ USD, tăng 10.3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 43.61 tỷ USD, tăng 15.2% YoY%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 57.67 tỷ USD, tăng 6.9% YoY%. Đầu năm đến 15/05, các mặt hàng nhập khẩu trong tháng 05 có kim ngạch lớn gồm Điện tử máy tính đạt mức 18.01 tỷ USD (+21.4% YoY), máy móc thiết bị 13.25 tỷ USD (+16.3% YoY), vải đạt 4.78 tỷ USD (+7.2% YoY). Riêng nhóm xăng dầu tiếp tục duy trì đà giảm mạnh từ đầu năm do nhà máy lọc dầu Nghi Sơn đã đi vào hoạt động làm giảm tỷ trọng dầu nhập khẩu trên thị trường.

Thị trường ngoại hối

- Tỷ giá trong tháng 5 tăng mạnh trước cuộc hòa đàm bất thành của Hoa Kỳ và Trung Quốc. Tỷ giá USD/CNY đã vượt qua ngưỡng 6.7 vào ngày 15/05 và đã đạt mức 6.9 vào phiên 31/05. Sự mất giá của đồng nhân dân tệ đã gây áp lực khá mạnh lên đà tăng tỷ giá USD.
- Vận động của tỷ giá trong quý II sẽ phụ thuộc lớn vào tiến trình của cuộc đàm phán thương mại Hoa Kỳ-Trung Quốc trong giai đoạn tới và động thái của FED trong kỳ họp tháng tới.

Tỷ giá trung tâm trong tháng 05 dao động trong khoảng 23,028 – 23,069 VND/USD, tăng so với mức biên 22,976 – 23,018 VND/USD trong tháng 04. Mức trung bình trong tháng là 23,064 VND/USD. Ngày 31/05, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,065, tăng +1.0% YTD và +3.1% YoY.

Tỷ giá liên ngân hàng trong tháng 05 dao động trong khoảng 23,310– 23,480 VND/USD, tăng so với biên độ 23,250– 23,330 VND/USD trong tháng 04. Mức trung bình trong tháng là 23,420 VND/USD. Ngày 31/05, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,475, tăng +1.0% YTD và +3.1% YoY.

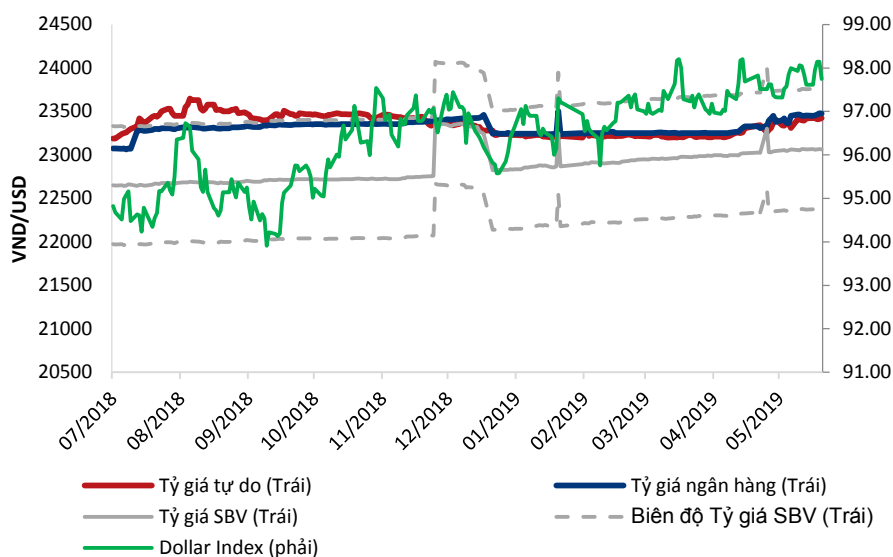
Tỷ giá tự do trong tháng 05 dao động trong khoảng 23,260 – 23,425 VND/USD, tăng so với biên độ 23,205 – 23,305 VND/USD trong tháng 04. Mức tỷ giá tự do trung bình trong tháng là 23,372 VND/USD. Ngày 31/05, tỷ giá đang giao dịch tại mức 23,425, tăng +0.6% YTD và +2.5% YoY.

Chỉ số giá USD tháng 05 tăng 0.1% so với cuối tháng 04, và tăng 4.0% so với cùng kỳ năm ngoái. Chỉ số này dao động trong biên độ từ 97.7-98.1 điểm, với mức trung bình tháng đạt 97.7 điểm. Ngày 31/05, chỉ số đạt mức 97.75 điểm.

Từ đầu năm đến hết tháng 05, ngân hàng nhà nước liên tục nâng cao tỷ giá trung tâm nhằm đề phòng xu hướng biến động tỷ giá USD/VND trước kết quả của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung. Xu hướng này đang diễn ra và phù hợp với ước tính tăng tỷ giá lên 2% của NHNN từ đầu năm.

Đồ thị 6

Diễn biến tỷ giá



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Ngân hàng - Lãi suất

- Lãi suất liên ngân hàng tăng nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn trong tháng 05 trừ lãi suất liên ngân hàng 6 tháng. Hiện tượng này cho thấy tỷ giá mới chỉ gây ảnh hưởng nhẹ lên lãi suất liên ngân hàng nhờ lượng dự trữ ngoại hối cao của NHNN.
- Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trung và dài hạn vẫn ổn định và chưa có biến động mạnh. Chính sách kinh tế vẫn hướng tới chu kỳ kinh tế tăng trưởng.

Lãi suất liên ngân hàng tăng nhẹ với thời điểm cuối tháng 04 ở hầu hết các kỳ hạn trong tháng 05 (trừ lãi suất liên ngân hàng tháng 06 có mức suy giảm nhẹ). Nhóm lãi suất này đã tăng mạnh trong nửa đầu tháng 05 nhưng đã suy giảm và chỉ còn tăng nhẹ vào cuối tháng 05. Tại ngày 31/05, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng, và 6 tháng lần lượt đạt 2.8%, 2.97%, 3.37%, 3.87% và 4.13%.

Trong tháng 05, NHNN đã bơm ròng 23,596 tỷ đồng trong tuần đầu, hút ròng 22,838 tỷ đồng trong tuần 2, bơm ròng 2,275 tỷ đồng trong tuần thứ 3 và hút ròng 38,348 tỷ đồng vào tuần cuối. Thanh khoản hệ thống đã bớt dồi dào nhưng vẫn ở trạng thái ổn định khi nguồn dự trữ ngoại hối vẫn lớn và áp lực từ lãi suất liên ngân hàng mới chỉ tăng nhẹ.

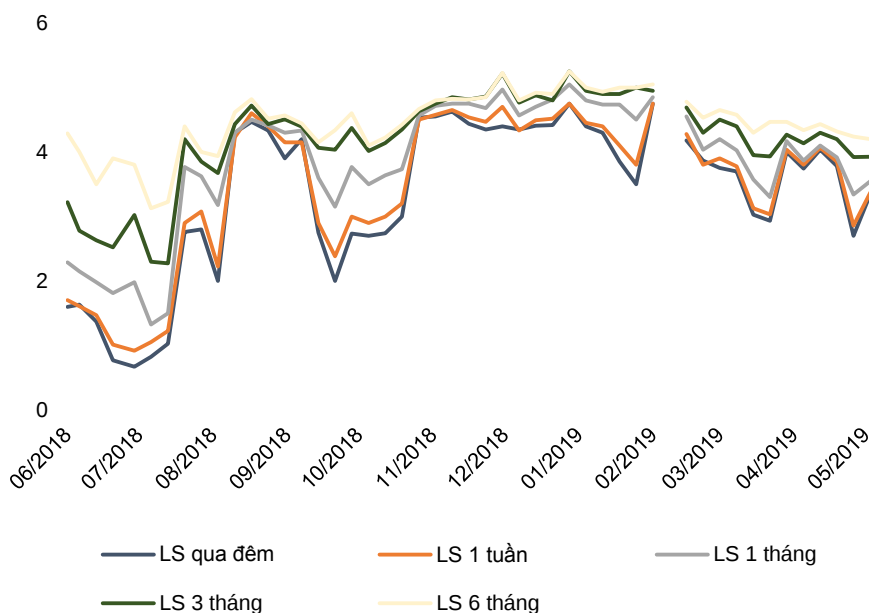
Hiện tại, mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam phổ biến ở các mức sau:

- 0.5%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng;
- 4.5%-5.5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng;
- 5.5%-6.5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng;
- kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6.6%-7.3%/năm.

Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Đồ thị 7

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, BSC Research.

Dự báo vĩ mô tháng 06/2019

Xét trên bình diện quốc tế, kinh tế vĩ mô tháng 06/2019 của Việt Nam có thể bị ảnh hưởng bởi một số tác động sau:

1. Chiến tranh thương mại. Cuộc đàm phán thương mại Mỹ-Trung kết thúc với kết quả Mỹ đã nâng mức thuế lên 25% cho 200 tỷ đô hàng hóa và đe dọa sẽ đánh thuế lên 300 tỷ đô hàng hóa còn lại nếu Trung Quốc không chấp nhận các thỏa thuận đã nêu lên trong biên bản đàm phán vừa rồi. Hiện tại, vẫn chưa có thông tin mới nào về các cuộc đàm phán thương lượng giữa hai quốc gia. Nhiều khả năng, tổng thống Trump và chủ tịch Tập Cận Bình sẽ gặp nhau tại cuộc họp G20 diễn ra vào ngày 28/06 để thảo luận về vấn đề thương mại Mỹ-Trung. Về phía Mỹ, để đưa danh sách thuế 300 tỷ đô, bộ Thương Mại Mỹ sẽ phải thực hiện một phiên điều trần về danh sách này trước quốc hội Mỹ vào ngày 17/06. Sau đó 1 tuần, nếu quốc hội không bác bỏ, tổng thống Trump có quyền đánh thuế danh sách mới này kể từ ngày 24/06. Về phía Trung Quốc, Bắc Kinh sẽ đánh thuế từ 5-25% lên 60 tỷ đô hàng hóa Mỹ xuất khẩu sang Trung Quốc vào ngày 01/06. Ảnh hưởng của cuộc chiến tranh thương mại đang gây tâm lý lo lắng lên toàn cầu về sự suy thoái kinh tế khi lãi suất trái phiếu chính phủ Mỹ 10 đạt mức thấp kỷ lục. Bên cạnh đó, sự mất giá đồng Nhân Dân Tệ cũng đang gây ra các hiệu ứng tiêu cực lên giá trị đồng tiền các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á khi các quốc gia này phải giảm giá trị tiền tệ để cạnh tranh với các mặt hàng hóa xuất khẩu từ Trung Quốc.

2. Cuộc họp OPEC (dự kiến tổ chức ngày 25-26/06, tuy nhiên có thể bị hoãn lại đến 03-04/07): Nga sẽ xem xét cẩn thận việc gia hạn thỏa thuận giảm sản lượng dầu với Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) và các nhà sản xuất khác. Cụ thể, Moscow sẽ cân nhắc giữa hiệu ứng tích cực của thỏa thuận lên giá dầu với tổn thất thị phần cho các công ty Hoa Kỳ. Để cân nhắc một cách kỹ lưỡng và toàn diện nhất, Nga đề xuất hoãn lại cuộc họp sáng tháng 07. Iran và một số nước OPEC khác đang phản đối đề xuất thay đổi này. Họ không đồng ý rằng OPEC nên thay đổi cuộc họp theo lịch trình để phù hợp với Nga, vốn không phải là thành viên của OPEC. Khiếu nại của Iran là dấu hiệu của một vấn đề nghiêm trọng trong OPEC. Tuy nhiên, OPEC và đặc biệt là Ả Rập Xê Út, thành viên mạnh nhất của OPEC, đã trao rất nhiều quyền lực cho Nga trong vài cuộc họp gần đây bằng cách cho phép các quyết định của mình xoay quanh thỏa thuận (hoặc bất đồng) của Nga. Nga có được lợi ích là tiếng nói có ảnh hưởng nhất trong OPEC mà không phải hy sinh đồng ý với các yêu cầu của OPEC.

3. Cuộc họp về chính sách tiền tệ của FED (18-19/06). Cục Dự trữ Liên bang đã quyết định giữ mức lãi suất 2.25-2.5% tại cuộc họp tháng 05. FED sẽ tiếp tục giữ vững chính sách tài khóa linh hoạt đến kỳ họp vào tháng 06 với tâm thế thận trọng đối theo diễn biến của nền kinh tế Mỹ. Rất nhiều thông tin về

nền kinh tế Mỹ có ảnh hưởng đến quyết định của FED sẽ được công bố vào tuần đầu tháng 06. Trong đó, một trong những trọng tâm theo dõi của giới đầu tư là cuộc họp của Chicago FED diễn ra vào thứ 3 và thứ 4 tuần đầu tháng 06. Chủ tịch Fed Jerome Powell sẽ phát biểu khai mạc tại hội nghị về chiến lược chính sách tiền tệ. Trong nhiều tháng, giới phân tích đã hy vọng hội nghị sẽ cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách Fed dự định giải quyết lạm phát chậm chạp. Theo cuộc khảo sát của Wall Street Journal, có 51% các nhà kinh tế và đầu tư cho rằng FED sẽ cắt lãi suất trong tháng 06 trước tình hình chiến tranh thương mại Mỹ-Trung ngày càng căng thẳng và lãi suất TPCP Mỹ 10 năm đã thấp hơn lãi suất liên ngân hàng Mỹ tại các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần và 3 tháng.

4. Cuộc họp về chính sách tiền tệ của ECB (18-19/06). Hội đồng quản trị EU sắp phải quyết định xem có nên triển khai lại bất kỳ công cụ nào trong số nhiều công cụ của mình hay không - bao gồm một vòng cho vay ngân hàng mới - để thúc đẩy tăng trưởng và lạm phát. Một số nhà hoạch định chính sách đã mất niềm tin vào triển vọng vào quyết định của họ vào tháng Tư, theo một biên bản họp công bố vào tuần thứ 3 của tháng 05. Dữ liệu từ cuộc họp đó là không thuyết phục, với sự mất kết nối rõ ràng giữa các khảo sát và các chỉ số thị trường cho thấy tâm lý bất ổn của các nhà kinh tế. Một phần của cuộc họp sắp tới sẽ tập trung vào việc định giá cho một vòng cho vay dài hạn mới đối với các ngân hàng bắt đầu vào tháng Chín. Một số nhà hoạch định chính sách muốn đưa ra các điều khoản hào phóng như một cách để kích thích nền kinh tế, trong khi những người khác muốn giữ công cụ hạn chế hơn để nhẹ nhàng cho các ngân hàng cai nghiện khỏi sự hỗ trợ của ngân hàng trung ương. Các công cụ lớn hơn sẽ là khởi động lại nới lỏng định lượng - chỉ sáu tháng sau khi ECB dừng nó - hoặc bằng cách nào đó giảm lãi suất mặc dù lãi suất tiền gửi đang ở mức thấp kỷ lục 0,4%. Sự cân nhắc này cũng sẽ làm sống lại cuộc nói chuyện về khả năng phân tăng lãi suất tiền gửi ở ngân hàng ECB - miễn một số tiền gửi ngân hàng khỏi lãi suất âm - để ngăn chặn sự suy giảm lợi nhuận của ngân hàng. Ngoài ra, ECB có thể cam kết giữ lãi suất thấp trong thời gian dài hơn, một động thái sẽ trói tay người kế nhiệm Draghi. ECB hiện cho biết lãi suất sẽ ở mức thấp kỷ lục ít nhất là cho đến cuối năm nay. Nhiệm kỳ Draghi sẽ kết thúc vào tháng Mười.

Đối với tình hình trong nước, các tiêu điểm trong tháng 06/2019 bao gồm những vấn đề sau:

1. Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV (20/05-17/6). Trong kỳ họp này, các luật trình quốc hội thông qua là: Luật Hành chính công, Luật Kiến trúc, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia; Luật Quản lý thuế (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án hình sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị quyết về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020. Các luật được quốc hội cho ý kiến mà có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế-xã hội bao gồm: Bộ luật lao động (sửa đổi), Luật chứng khoán (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp. Trong đó,

luật chứng khoán sửa đổi sẽ là trọng tâm theo dõi khi dự thảo luật này đã đưa ra nội dung cải cách toàn diện thị trường chứng khoán Việt Nam. Tất cả những vấn đề như thay đổi biên độ giao dịch, bán khống và mở thêm các loại sản phẩm dịch vụ chứng khoán mới sẽ gây tác động khá mạnh lên thị trường chứng khoán.

2. Nguồn kinh phí thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công. Nghị định 32/2019/NĐ-CP về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên có hiệu lực thi hành.

Trong đó, quy định các nguồn kinh phí cung ứng sản phẩm, dịch vụ công, bao gồm:

- Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên trong các lĩnh vực sự nghiệp và các hoạt động kinh tế theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;
- Nguồn phí được để lại chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo pháp luật về phí và lệ phí;
- Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá;
- Nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Nghị định 33/2019/NĐ-CP về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu giao thông đường bộ có hiệu lực từ ngày 17/6/2019.

Theo đó, tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bị thu hồi trong trường hợp sau:

- Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý;
- Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai mục đích; cho mượn tài sản;
- Bán, cho thuê, tặng cho, thế chấp, góp vốn, liên doanh, liên kết không đúng quy định;
- Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Xử lý trường hợp không đủ điều kiện dựng sổ khi bán cổ phần của DNNN. Thông tư 21/2019/TT-BTC hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và chuyển nhượng vốn nhà nước theo phương thức dựng sổ cho các đối tượng thực hiện cổ phần hóa.

Theo đó, nếu khối lượng cổ phần đặt mua thực tế và số lượng nhà đầu tư đặt mua thực tế không đáp ứng điều kiện dựng sổ theo phương án bán cổ phần thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa thực hiện:

- Quyết định hủy kết quả sổ lệnh;
- Báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp nhà nước) hoặc Hội đồng thành viên/Chủ tịch doanh nghiệp nhà nước (đối với doanh nghiệp cấp II) và công bố thông tin về việc hủy kết quả sổ lệnh.

Các nhà đầu tư được hoàn trả tiền đặt cọc sau khi Ban chỉ đạo cổ phần hóa công bố thông tin về việc hủy kết quả sổ lệnh.

Thông tư 21/2019/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 03/6/2019.

5. Ban hành Danh mục thuốc SX trong nước đáp ứng yêu cầu điều trị, giá thuốc. Thông tư 03/2019/TT-BYT về Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp có hiệu lực từ ngày 01/6/2019. Theo đó, danh mục này gồm 640 loại thuốc được sản xuất tại các cơ sở sản xuất trong nước, đơn cử như: Acarbose, Aceclofenac, Acenocoumarol, Acetyl leucin, Acetylcystein, Acid Alendronic, Acid amin.... Các loại thuốc trên đã được cấp giấy đăng ký lưu hành, đáp ứng yêu cầu phòng bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế theo tiêu chí kỹ thuật của thuốc, có giá thuốc hợp lý và có khả năng bảo đảm cung cấp cho các cơ sở y tế trên cả nước.

Bảng 4
Các chỉ tiêu vĩ mô theo tháng

Chỉ tiêu/Tháng	2018M10	2018M11	2018M12	2019M01	2019M02	2019M03	2019M04	2019M05
GDP so với cùng kỳ năm trước (%)	-	-	7.31	-	-	6.79	-	-
GDP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	-	-	7.08	-	-	6.79	-	-
PMI	53.7	56.5	53.9	51.9	51.2	51.9	52.5	52
IIP so với cùng kỳ năm trước (%)	7.7	9.6	11.4	7.9	10.3	9.1	9.3	10
IIP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	10.4	10.1	10.2	7.9	9.2	9.2	9.2	9.4
Retail Sales so với cùng kỳ năm trước (%)	12.4	12.2	11.4	12.2	11.5	12.1	12.0	11.4
Retail Sales ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	11.4	11.5	11.3	12.2	12.2	12	11.9	11.6
CPI so với tháng trước (%)	0.33	-0.29	-0.25	0.10	0.8	-0.21	0.3	0.59
CPI so với cùng kỳ năm trước (%)	3.89	3.59	2.98	2.56	2.64	2.7	2.93	2.88
FDI đăng ký (tỷ USD)	21.57	23.19	25.58	1.14	3.30	5.12	7.45	9.09
FDI giải ngân (tỷ USD)	15.10	16.5	19.1	1.55	2.58	4.12	5.70	7.30
Xuất khẩu (tỷ USD)	22.5	21.6	19.6	22.0	13.9	22.4	20.4	21.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	21.7	22.0	20.4	21.2	14.7	21.8	20.9	22.8
Cán cân TM (tỷ USD)	0.8	-0.4	-0.8	0.8	-0.8	0.6	-0.5	-1.3
Tỷ giá (VND/USD)	23,351	23,363	23,351	23,243	23,252	23,245	23,261	23,420
Tăng trưởng tín dụng (%)	-	-	14	-	-	2.28	-	-

Nguồn: BSC Research

Thị trường chứng khoán tháng 5/2019

Tổng quan thị trường

Trong tháng 5, chỉ số đã có mức điều chỉnh nhẹ do tâm lý lo ngại của nhà đầu tư trước sự gia tăng những rủi ro cho triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đặc biệt là diễn biến leo thang của cuộc chiến tranh thương mại Trung - Mỹ, giá dầu suy giảm cùng sự lo ngại rủi ro suy thoái kinh tế toàn cầu khi lãi suất 10 năm trái phiếu chính phủ Mỹ suy giảm mạnh và dưới mức lãi suất trái phiếu 3 năm. Sau khi cuộc họp về thỏa thuận thương mại Trung-Mỹ thất bại, Mỹ đã tăng mức thuế từ 10% lên 25% cho 200 tỷ USD hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc vào ngày 10/5. Thêm vào đó, chính phủ Trung quốc cũng đã đáp trả với mức thuế tăng lên 25% lên 60 tỷ USD hàng hóa xuất khẩu của Mỹ. Căng thẳng tiếp tục leo thang khi Mỹ tiến hành xem xét đánh thuế thêm 300 tỷ USD hàng hóa của Trung Quốc cùng việc xếp tập đoàn Huawei vào danh sách đen khiến thị trường thế giới chao đảo. Tính đến 31/3/2019, VN-Index chính thức giảm 19.8 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (-2.02% MoM), (+7.54%YtD) và HNX-Index giảm 3.11 điểm (-2.89% MoM), (+0.12% YtD).

Thanh khoản cải thiện so với tháng 4, dòng tiền tập trung vào nhóm có vốn hóa nhỏ. Trong tháng 5, sàn HSX có 146 cổ phiếu tăng, 224 cổ phiếu giảm và 9 cổ phiếu không đổi, 5 cổ phiếu hỗ trợ VN-Index gồm SAB tăng 11.62% (góp 5.33 điểm), HVN tăng 9.73% (góp 1.67 điểm), VJC tăng 7.42% (góp 1.39 điểm), PLX tăng 5.39% (góp 1.3 điểm), BHN tăng 19.51% (góp 1.11 điểm). Các cổ phiếu khiến VN-Index giảm điểm mạnh nhất gồm VHM giảm -10.87% (giảm -10.07 điểm), GAS giảm -7.54% (giảm -4.91 điểm), BID giảm -9.48% (giảm -3.4 điểm), BVH giảm -13.32% (giảm -2.53 điểm) và TCB giảm -6.42% (giảm -1.63 điểm). Trong tháng 5, 7/18 ngành có mức tăng, mạnh nhất là ngành Du lịch và giải trí.

Bảng 6

Biến động 6 tháng gần nhất trên sàn HOSE

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
5	959.88	2.6	3,228.55
4	979.64	2.4	3,207.75
3	980.76	3.63	3,211.00
2	965.47	2.52	3,161.18
1	910.65	2.32	2,979.23
12	892.54	2.70	2,875.55

Nguồn: HSX, Bloomberg, BSC Research

Bảng 7

Biến động 6 tháng gần nhất trên sàn HNX

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
5	104.35	0.7	184.58
4	107.46	0.57	203.10
3	107.44	0.91	200.43
2	105.86	0.54	196.89
1	102.88	0.58	189.74
12	104.33	0.77	192.50

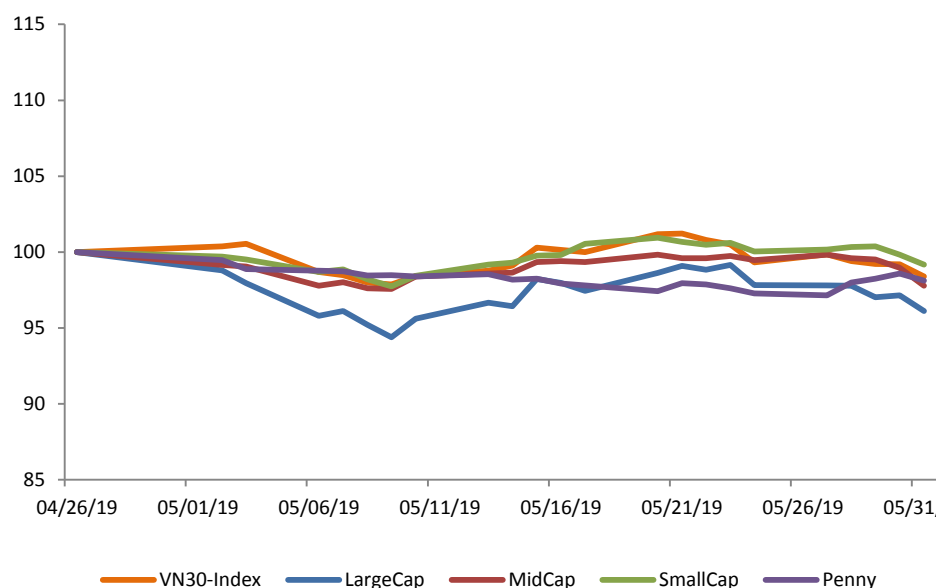
Nguồn: HNX, Bloomberg, BSC Research

Diễn biến nhóm cổ phiếu

Các nhóm cổ phiếu phân theo vốn hóa đều đồng loạt giảm. Trong tháng 5, LargeCap và MidCap có hiệu suất suy giảm mạnh nhất với mức giảm lần lượt là 3.87% và 2.23%. SmallCap, Penny và VN30 đều có hiệu suất âm với mức giảm lần lượt là -0.83%, -1.88% và -1.60%. Thị trường bị tác động bởi tâm lý lo ngại khi căng thẳng từ cuộc chiến thương mại Trung-Mỹ tiếp tục gia tăng, rủi ro khủng hoảng kinh tế toàn cầu cùng giá dầu thế giới quay đầu giảm giảm khiến các nhóm cổ phiếu đều có mức hiệu suất giảm. Tuy nhiên nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ lại ít bị tác động hơn các nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và lớn.

Đồ thị 9

Biến biến của các nhóm cổ phiếu

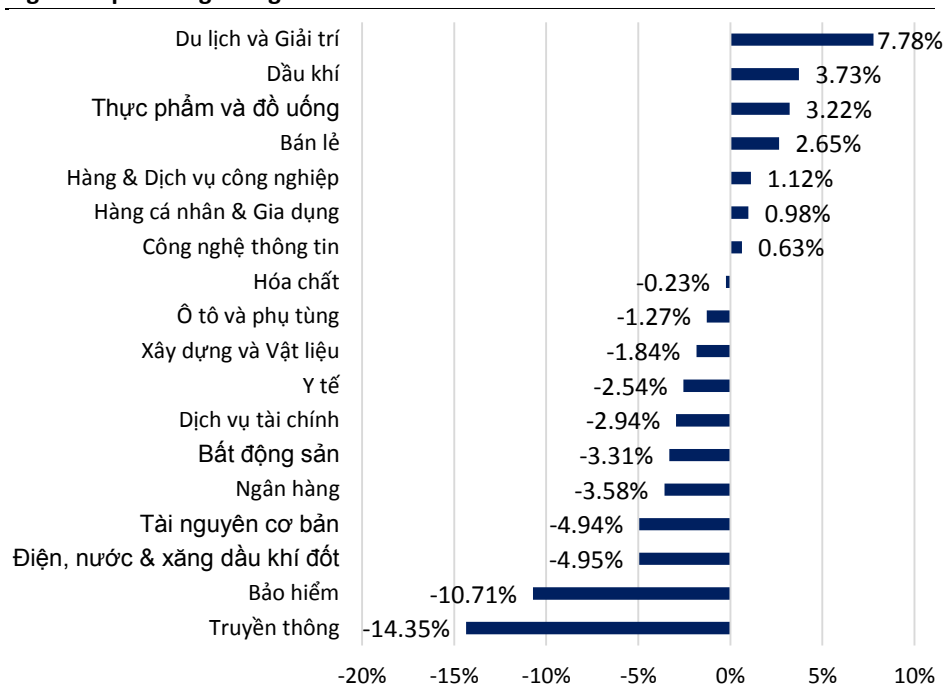


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Trong tháng 5, thị trường có 7/18 ngành tăng điểm. Trong đó, nhóm Du lịch và giải trí tăng mạnh nhất với hiệu suất 7.78% do sự đóng góp của cổ phiếu VJC và HOT với mức tăng lần lượt là 7.42% và 14.25%. Nhóm truyền thông là nhóm có mức giảm mạnh nhất với hiệu suất -14.35%.

Đồ thị 10

Ngành cấp 2 trong tháng 4 2019



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

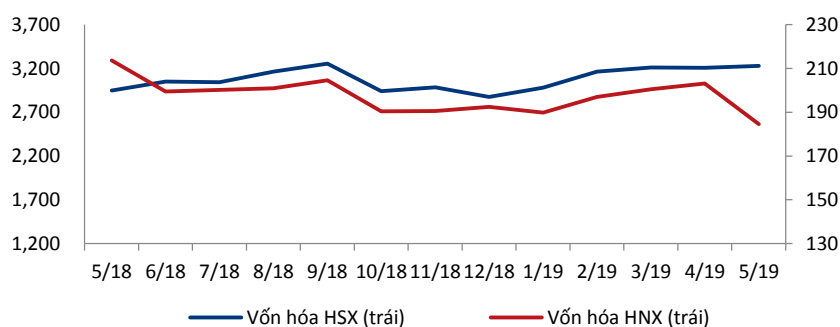
Quy mô vốn hóa

Vốn hóa trên cả 2 sàn HSX và HNX đạt 3,413.13 nghìn tỷ đồng tương đương 147.11 tỷ USD tăng 0.07% MoM, +11.25% YtD. Sàn Upcom giảm nhẹ về mức 950.06 nghìn tỷ cuối tháng 5. Tính trong tháng 5, trên sàn HOSE có 180.75 triệu cổ phiếu niêm yết bổ sung; 24.5 triệu cổ phiếu niêm yết lần đầu; 211.09 triệu cổ phiếu hủy niêm yết; 8.4 triệu ETF niêm yết bổ sung; 1.7 triệu ETF hủy niêm yết; 30 triệu trái phiếu niêm yết lần đầu và 0.01 triệu trái phiếu hủy niêm yết.

Về quy mô niêm yết trên sàn HOSE tại ngày 31/5, sàn đang niêm yết 80.92 tỷ cổ phiếu tương đương 849.37 nghìn tỷ đồng (95.27% giá trị thị trường), 356.52 triệu trái phiếu tương đương 35.65 nghìn tỷ đồng (4.2% giá trị thị trường), 413 triệu chứng chỉ ETF tương đương 4.13 nghìn tỷ đồng (0.49% thị trường).

Đồ thị 11

Vốn hóa thị trường



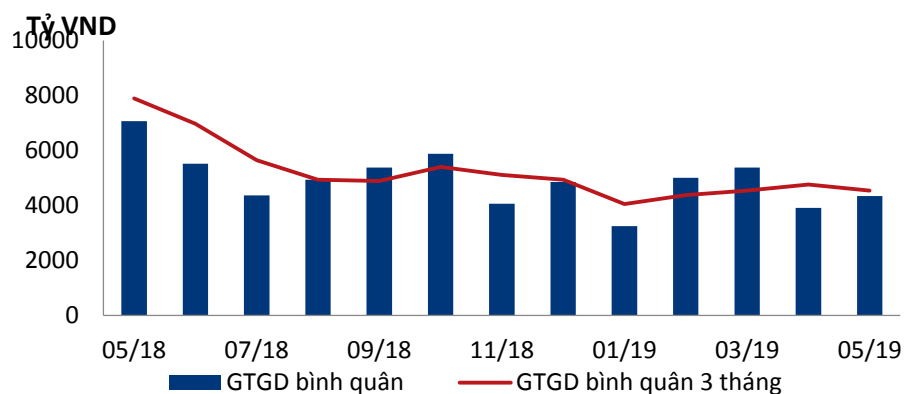
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Thanh khoản bình quân toàn thị trường

Thanh khoản bình quân trên 2 sàn tăng 11.14% so với tháng 4/2019, và tăng lên mức 4,342 tỷ đồng/ phiên và tương ứng với gần 187.16 triệu USD/phiên. Trong tháng 5, dòng tiền tập trung ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trụ thị trường và nhỏ cũng như các cổ phiếu có triển vọng tốt. Tâm lý cải thiện cùng hoạt động giao dịch tăng trở lại của khối ngoại khiến thanh khoản phục hồi tích cực.

Đồ thị 12

Giá trị giao dịch bình quân



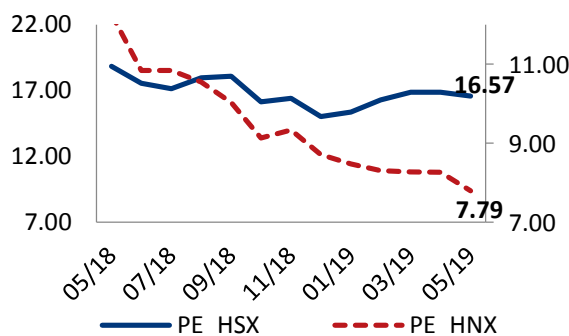
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mặt bằng giá của TTCK VN

P/E của VN-Index giảm xuống mức 16.57 tương ứng -1.77% MoM, +10.23% YtD và HNX-Index giảm về mức 7.79 tương ứng -5.73% MoM, -10.54% YtD. P/E của sàn HSX giảm nhẹ và là tháng thứ 2 giảm liên tiếp, HNX cũng có mức giảm nhẹ và là tháng thứ 6 giảm liên tiếp. So với tháng 4/2019, P/E của chỉ số VN-Index duy trì vị trí thứ 9 và HNX-Index tiếp tục giữ vị trí thứ 19 trong khu vực Châu Á.

Đồ thị 13

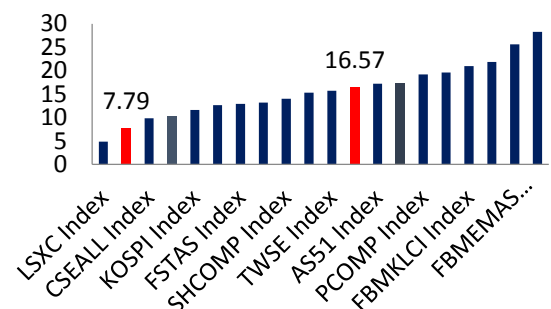
Diễn biến chỉ số P/E 2 sàn



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 14

Chỉ số P/E của VN so với các nước trong khu vực



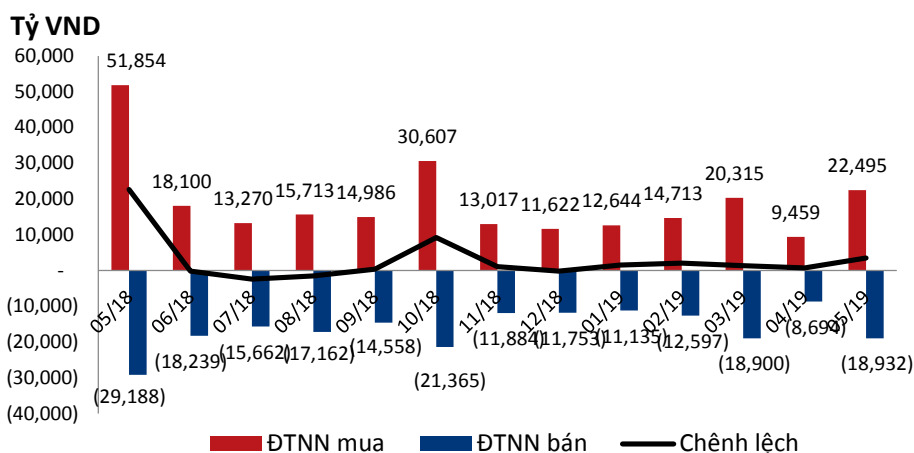
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giao dịch của khối ngoại

Trong tháng 5, khối ngoại mua ròng mạnh trên sàn HSX và bán ròng trên HNX. Sàn Upcom trong tháng 5 tiếp tục mua ròng 482.8 tỷ đồng, họ tập trung bán ròng 56.23 tỷ đồng CTR và 34.44 tỷ đồng LPB trong khi mua 504.46 tỷ đồng MPC và 52.59 tỷ đồng VTP.

Đồ thị 15

Diễn biến giao dịch khối ĐTNN trên 2 sàn



Nguồn: BSC Research

Trong tháng 5, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX 3833 tỷ đồng với 160 cổ phiếu được mua ròng và 182 cổ phiếu bị bán ròng, bán ròng 270 tỷ đồng trên sàn HNX với 130 cổ phiếu bị bán và 85 cổ phiếu được mua. Trên sàn HSX, khối ngoại mua mạnh các mã VIC (5601.29 tỷ đồng), BVH (185.97 tỷ đồng), PLX (154.2 tỷ đồng), HVN (144.67 tỷ đồng), PDR (134 tỷ đồng) và bán các mã VJC (-573.98 tỷ đồng), VHM (-507.21 tỷ đồng), HPG (-264.16 tỷ đồng). Trên sàn HNX, nhóm này tập trung mua PVI (305.1 tỷ đồng), PGT (6.11 tỷ đồng) và bán PVS (-196.62 tỷ đồng), SHS (-36.49 tỷ đồng).

Bảng 8

Tốp 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HSX tháng 5

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
VIC	5,601.29	VJC	(573.98)
BVH	185.97	VHM	(507.21)
PLX	154.20	HPG	(264.16)
HVN	144.67	VGC	(260.48)
PDR	134.00	VNM	(200.51)
FPT	78.02	HDB	(156.82)
HSG	59.86	PVD	(154.09)
PTB	44.87	BID	(110.81)
SAB	34.94	CII	(109.39)
NVL	31.14	DXG	(89.23)

Nguồn: BSC Research

Bảng 9

Tốp 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HNX tháng 5

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
PVI	305.10	PVS	(196.62)
PGT	6.11	SHS	(36.49)
CDN	3.86	NTP	(30.90)
DGC	3.38	NDN	(14.29)
BCC	2.14	HUT	(12.61)
AMV	1.58	TNG	(8.96)
HHP	0.91	IVS	(7.85)
TTT	0.79	SRA	(7.20)
TIG	0.79	INN	(2.24)
HMH	0.70	IDJ	(2.20)

Nguồn: BSC Resea

Triển vọng thị trường tháng 6

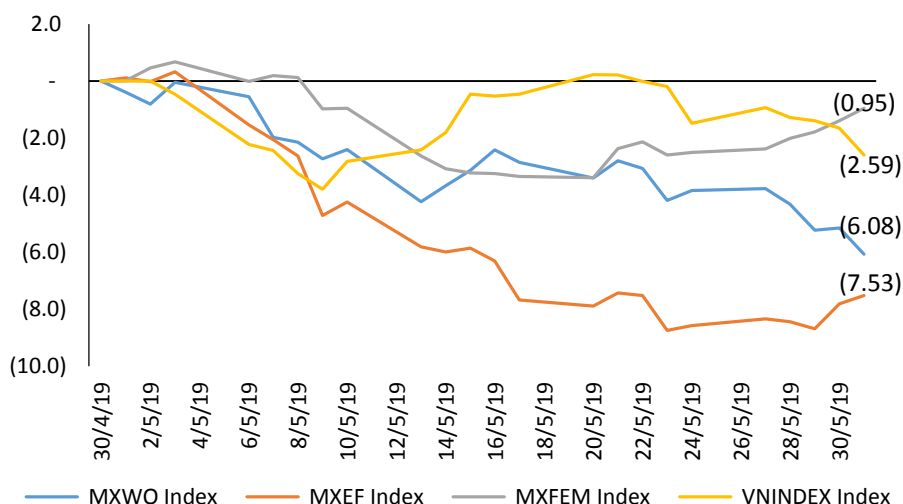
Đàm phán thương mại Mỹ - Trung đứng trước nguy cơ đổ vỡ khi Mỹ tăng thuế 10% lên 25% với 200 tỷ hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc và Trung Quốc trả đũa với 60 tỷ hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ. Diễn biến theo chiều hướng leo thang khi Mỹ bổ sung Huawei vào danh sách yêu cầu các công ty Mỹ phải có giấy phép để kinh doanh với công ty này. Trung Quốc cũng đang tính các bước trả đũa tiếp theo với Mỹ.

Thông tin này tác động mạnh đến tâm lý và dòng tiền của nhà đầu tư, lấn át thông tin tích cực trước đó như các nền kinh tế chủ chốt tăng trưởng tích cực hơn dự báo trong quý I, FED giữ nguyên lãi suất và cả căng thẳng giữa Mỹ - Iran. Các thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ và hàng hóa đều biến động bất thường. Xu hướng phân tán vào các kênh đầu tư an toàn như vàng hoặc đầu cơ vào bitcoin được đẩy mạnh.

Về thị trường tiền tệ, CNY(China) là tâm điểm chú ý khi tiếp tục giảm giá thêm 2.4%, tiến gần sát về ngưỡng tâm lý 7CNY/USD. USD Index tăng 0.3% chủ yếu so với EU trong khi các đồng tiền chủ chốt khác như JPY, CHF có mức tăng lần lượt 2.8% và 1.8%. Ảnh hưởng từ USD tăng giá và CNY giảm giá, VND cũng giảm giá 0.8%, tính chung giảm giá 0.5% so với đầu năm.

Đồ thị 16

MSCI khu vực phát triển, mới nổi và cận biên tháng 5/2019 (quy đổi USD)



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Với sự giảm giá đồng nội tệ và vận động giảm giá của thị trường chủ chốt, các chỉ số MSCI các khu vực đều giảm. Chỉ số MSCI khu vực mới nổi (MXEF) dẫn đầu đà giảm với -7.5%. MSCI khu vực phát triển (MXWO) cũng không còn giữ xu thế tăng tháng trước khi quay đầu giảm -6.1%. MSCI khu vực cận biên (MXFM) ghi nhận mức giảm nhẹ -0.9%.

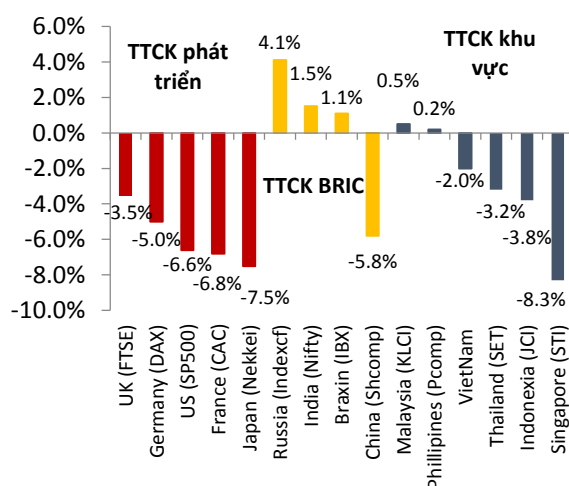
Ở khu vực thị trường phát triển, thị trường Nhật Bản giảm mạnh -7.5%, so với mức tăng bình quân -5.2% của các thị trường chủ chốt khác. Anh là thị trường giảm thấp nhất với -3.5% do chỉ số không tăng từ tháng trước cũng như chứng giá trước thông tin Thủ tướng từ chức.

Ở khu vực các nước BRIC, Trung Quốc là thị trường duy nhất giảm điểm, với mức giảm -5.8% do lo ngại chiến tranh thương mại. Các thị trường đều có sự hồi phục dẫn đầu thị trường Nga với mức tăng 4.1%.

Ở thị trường khu vực, biến động đảo chiều những thị trường tăng mạnh tháng trước như thị trường Singapore và Thailand đều có mức giảm mạnh lần lượt -8.3% và -3.2% trong Malaysia và Philippines là 2 thị trường duy nhất tăng điểm.

Đồ thị 17

Biến động chỉ số CK các quốc gia trong tháng 5



Bảng 10

Khối ngoại mua bán ròng tháng 5 (Mio.USD)

Quốc gia	Tháng 5	5 tháng
India	1,280	11,048
Indonesia	-514	4,070
Japan*	869	172
Malaysia	(558)	(1,232)
Philippines	(271)	546
Korea	(2,548)	4,240
Sri Lanka	(7)	(31)
Taiwan	(3,726)	2,263
Thailand	114	(187)
Pakistan	11	45
Vietnam	160	346

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Về thị trường hàng hóa, chỉ số hàng hóa BCOM Index giảm mạnh -3.6%, chủ yếu đến từ mức giảm 16.3% của giá dầu WTI, và mức giảm bình quân 6% từ các mặt hàng kim loại. Những mặt hàng tăng mạnh gồm Quặng sắt (+17.1%), Cao su tự nhiên (+19.4%), Lúa mì (+20.2%).

Thị trường chứng khoán trong nước biến động nhanh và khó dự báo, ảnh hưởng từ thông tin thế giới, VIC bán cổ phần thu hơn 1 tỷ USD và quỹ iShares cơ cấu danh mục. VN-Index biến động hình sin, tính chung tháng 5, VN-Index giảm 19.8 điểm, tương đương -2.0%.

Sau 1 tuần đầu giảm mạnh do thông tin bất lợi từ thế giới, VN-Index hồi phục 2 tuần giữa tháng và chỉ giảm trở lại vào tuần cuối tháng. Vận động thị trường ở nhịp tăng giá tập trung vào nhóm cổ phiếu họ VIC và dầu khí. Dòng tiền không tăng trưởng do vậy tính lan tỏa yếu và chỉ vận động tích cực ở các nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ chiến tranh thương mại như Dệt may, Thủy sản, Khu công nghiệp, các cổ phiếu thoái vốn nhà nước, một số cổ phiếu có KQKD quý I tích cực và các cổ phiếu có tính thị trường cao. Vận động giữ nhịp và luân chuyển tại một số nhóm ngành không thu hút được NĐT, kéo theo sự

suy yếu nhanh khi VN-Index tiến sát ngưỡng tâm lý 1,000 điểm và trước áp lực bán gia tăng từ khối ngoại.

Xét về ngành, 7/18 ngành cấp II tăng điểm. Ngành Du lịch và giải trí, Dầu khí và Thực phẩm và đồ uống tăng mạnh nhất lần lượt 7.8%, 3.7% và 3.2% trong khi ngành Truyền thông, Bảo hiểm và Tiện ích giảm mạnh nhất lần lượt -14.4%, -10.7% và -5.0%. Giá dầu tăng hỗ trợ ngành dầu khí ngược lại những cổ phiếu lớn đầu ngành truyền thông và bảo hiểm giảm mạnh do thông tin bất lợi kéo theo sự giảm sút cả ngành.

Xét về mức ảnh hưởng của các cổ phiếu, 5 cổ phiếu dẫn đầu đã tác động tăng 10.8 điểm gồm SAB (+11.6%, góp 5.3 điểm), HVN (+9.7%, góp 1.7 điểm), VJC (7.4%, góp 1.4 điểm), PLX (+5.4%, góp 1.3 điểm), và BHN (+19.5%, góp 1.1 điểm). Ở chiều ngược lại VHM (-10.9%, góp giảm 10.1 điểm), GAS (-7.5%, góp giảm 4.9 điểm), BID (-9.5%, góp giảm 3.4 điểm), BVH (-13.3%, góp giảm 2.5 điểm) và TCB (-6.4%, góp giảm 1.6 điểm) lấy mất của thị trường 22.5 điểm.

Tháng 5, chúng tôi ban hành các báo cáo tư vấn đầu tư gồm FPT ([Link](#)), LHG ([Link](#)), TNG ([Link](#)), DRC ([Link](#)), VHC ([Link](#)), BCC ([Link](#)), và NLG ([Link](#)). Một số lượng lớn báo cáo nhanh về công ty niêm yết được chúng tôi cập nhật tại BSC iBroker ([Link](#)).

Những thông tin chú ý trong tháng 6:

Kinh tế vĩ mô 5 tháng đầu năm tích cực, các cấu khối chính ổn định hỗ trợ tăng trưởng. Việt Nam vẫn hưởng lợi từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Báo cáo kinh tế - xã hội của Tổng cục thống kê cho thấy kinh tế vĩ mô vẫn ổn định và có nhiều điểm sáng trong 5 tháng đầu năm 2019. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 9.4% so cùng kỳ, trong đó công nghiệp chế biến chế tạo tăng cao nhất trong 5 năm và ngành sản xuất điện tử, máy tính, quang học hồi phục sau 2 tháng tăng trưởng âm. Vốn đầu tư FDI đạt kỷ lục về dự án và vốn đăng ký cấp mới. Tổng mức bán lẻ dịch vụ và hàng hóa tiêu dùng tăng 11.6% so cùng kỳ. Kim ngạch XNK tăng 6.7% so cùng kỳ. CPI bình quân 5 tháng tăng 2.74% so với cùng kỳ. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 5/2019 tăng 0,45% so với tháng trước dù vậy vẫn giảm 0,01% so với tháng 12/2018.

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đang kéo theo những thay đổi đáng chú ý. Trung Quốc vươn lên trở thành nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam với 1.561,4 triệu USD, chiếm 24,2% tổng vốn đăng ký cấp mới. Hoạt động xuất khẩu tăng trưởng mạnh mẽ vào thị trường Mỹ với mức tăng trưởng 28% trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc với mức tăng 18,9%. Những mặt hàng xuất khẩu tăng trưởng mạnh vào Mỹ gồm điện thoại và linh kiện tăng 109,2%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 58,4%; hàng dệt may tăng 9,8%. Những mặt hàng này cũng là những ngành hàng Mỹ đã áp dụng tăng thuế. Dự địa tăng trưởng xuất khẩu vào thị trường Mỹ còn khá nhiều khi Mỹ đã công bố danh sách hàng hóa 300 tỷ đô sắp tới và đe dọa áp thuế tiếp theo. Tổng kim ngạch xuất khẩu Trung Quốc sang Mỹ trùng với mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ đạt mức 12.3 tỷ USD.

Như vậy, Việt Nam đang hưởng lợi khá nhiều từ xu hướng chuyển dịch cơ cấu cung ứng hàng hóa quốc tế từ Trung Quốc sang các quốc gia cận biên. Xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục nếu Mỹ-Trung không đạt được thỏa thuận thương mại và từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế qua mũi nhọn và lấp được khoảng trống thị trường nhờ chênh lệch thuế xuất với hàng hóa Trung Quốc.

Chứng quyền đảm bảo (CW) dự kiến hoạt động 28/6. Sản phẩm này đã được chờ đợi khá lâu và được NĐT khá hào hứng đón đợi. CW một mặt góp phần đáp ứng tiêu chí nâng hạng thị trường mặt khác là sản phẩm mới cho NĐT lựa chọn, đặc biệt hỗ trợ nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận các cổ phiếu đã hết room.

Dự kiến 7 CTCK đăng ký phát hành 12 CW dựa trên 6 mã chứng khoán cơ sở ra mắt thị trường. Các CTCK sẽ lựa chọn mã cổ phiếu phù hợp để phát hành CW. Các mã chứng khoán lựa chọn là các mã bluechip, vốn hóa lớn, thanh khoản cao. Loại CW triển khai thời gian đầu là loại chứng quyền mua trên cổ phiếu đơn lẻ, thực hiện quyền kiểu châu Âu, phương thức thanh toán bằng tiền.

CW cho phép nhà đầu tư sử dụng đòn bẩy cao từ 7 - 10 lần, vòng đời giới hạn từ 3 - 24 tháng, và cách thức mua bán như với cổ phiếu thông thường nên dễ dàng giao dịch và phòng ngừa rủi ro cho các nhà đầu tư. Dù vậy, CW cũng có rủi ro từ thị trường và rủi ro mất khả năng thanh toán từ tổ chức phát hành.

Với tính chất đòn bẩy, khả năng sinh lời cao, vốn đầu tư thấp, CW sẽ thu hút dòng tiền linh hoạt. Các cổ phiếu được lựa chọn phát hành CW sẽ nhận được sự quan tâm lớn hơn trước và trong thời gian CW niêm yết. CW vận hành là thông tin tích cực tác động đến tâm lý NĐT và dòng tiền của thị trường.

MSCI công bố xếp hạng thị trường, các ETFs FTSE và VNM cơ cấu danh mục quý II. Theo sau công bố đánh giá phân hạng thị trường bán niên năm 2019 vào 13/5, MSCI sẽ công bố xếp hạng thị trường vào 20/6. Theo đó tổ chức xếp hạng sẽ đánh giá lại mức độ thỏa mãn các tiêu chí để xếp hạng các thị trường. và có hiệu lực 29/5. Nhiều khả năng Việt nam vẫn chưa được đưa vào danh sách theo dõi nâng hạng thị trường mới nổi do chưa có cải thiện nào đáng kể trong nhiều kỳ công bố gần đây. Tuy nhiên những tiêu chí chưa đáp ứng sẽ là thông tin quan trọng để các cơ quan quản lý nhanh chóng triển khai các giải pháp phù hợp khi Luật chứng khoán sửa đổi dự kiến thông qua vào năm 2020. Quá trình thay đổi hoàn thiện này sẽ giúp thị trường hấp dẫn nhà đầu tư.

ETF FTSE VN và VNM sẽ lần lượt công bố danh mục điều chỉnh vào 7/6 và 14/6. Hoạt động giao dịch sẽ tập trung trong tuần từ 17-21/6, đặc biệt trong phiên 21/6. Các CTCK đều dự đoán POW sẽ tham gia danh mục mới và một vài thay đổi khác. Quá trình chuyển sàn của nhiều Công ty từ Upcom và HNX sang Hose thì kỳ tới HVN, VGC cũng sẽ có cơ hội vào danh mục như trường hợp POW. Hoạt động cơ cấu danh mục cũng tạo biến động và tạo cơ hội trading cho HĐTL đảo hạn cũng như tăng thanh khoản cho thị trường.

Đàm phán thương mại Mỹ - Trung bế tắc, cuộc gặp nguyên thủ 2 nước tại hội nghị thượng đỉnh G20 cuối tháng 6 có thể mở ra cơ hội mới. Đàm phán thương mại Mỹ - Trung không thành công trong tháng 5, Mỹ tăng thuế từ 10% lên 25% với 200 tỷ hàng hóa Trung Quốc, đưa tổng giá trị đánh thuế là 250 tỷ trong khi Trung Quốc cũng tăng thuế suất vào 60 tỷ hàng hóa Mỹ, nâng tổng giá trị đánh thuế là 110 tỷ. Chiến tranh thương mại có dấu hiệu vượt qua khỏi phạm vi áp hàng rào thuế quan, khi Mỹ vừa thêm Huawei Technologies vào danh sách đen, tức cấm công ty này mua hàng từ Mỹ hoặc hoạt động tại Mỹ, và một số công ty công nghệ cao khác của Trung Quốc đang lọt vào tầm ngắm của Mỹ. Bắc Kinh đã chuẩn bị các biện pháp trả đũa, trong đó hạn chế xuất khẩu đất hiếm tới Mỹ đang được tính đến. Hai bên vẫn thể hiện quan điểm cứng rắn và chưa có tín hiệu nào cho thấy các vòng đàm phán sẽ được nối lại.

Trong bối cảnh đó, nguyên thủ Mỹ và Trung sẽ gặp nhau tại hội nghị thượng đỉnh G20 vào cuối tháng sau tại Nhật. Sự kiện này là cơ hội nối lại các vòng đàm phán như đã từng xảy ra tại cuộc họp G20 vào tháng cuối tháng 11/2018. Dù vậy vấn đề quan điểm tiếp cận đàm phán và niềm tin vẫn là trở ngại lớn để một giải pháp có thể đưa ra. Cuộc chiến thương mại do vậy có nguy cơ kéo dài đến cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ vào năm 2020.

FED giữ nguyên mức lãi suất tại kỳ họp tháng 5 dù chịu áp lực từ Tổng thống Mỹ. Lãi suất có thể tiếp tục duy trì trong kỳ họp tháng 6. FED giữ nguyên lãi suất tại kỳ họp đầu tháng 5 mặc dù trước đó chịu chỉ trích từ Tổng thống Mỹ. Quan điểm FED cho rằng thị trường lao động khỏe mạnh và tiếp tục tăng trưởng, lạm phát sẽ quay trở lại mức 2% theo thời gian và sau đó sẽ cân đối với mục tiêu dài hạn của họ. Tại biên bản kỳ họp chính sách FOMC vào 23/5, các quan chức FED vẫn giữ lập trường chính sách “kiên nhẫn” với lãi suất, và cho biết lãi suất sẽ không thay đổi trong thời gian tới.

Cuộc họp chính sách FED tiếp theo sẽ diễn ra từ 18 - 19/6. Theo thống kê khảo sát của Bloomberg thì khả năng giảm lãi suất kỳ họp tháng 6 chỉ ở mức 16%, tăng dần lên lần lượt 48% và 75% tại kỳ họp tháng 7 và tháng 9. Dự báo này cho thấy khả năng giảm lãi suất tại kỳ họp tháng 6 khá thấp. FED nhiều khả năng vẫn giữ nguyên lãi suất và chờ tín hiệu rõ rệt hơn vào cuối năm.

Bảng 11

Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường trong tháng 6/2019:

Sự kiện	Tác động đến TTCK
Kinh tế vĩ mô ổn định, Việt Nam đang đón dòng vốn FDI chuyển dịch từ Trung Quốc. Đầu tư công đẩy mạnh giải ngân vào cuối năm khi Luật đầu tư sửa đổi được thông qua.	Tích cực
Thông tin dự báo sơ bộ về KQKD quý II của một số công ty niêm yết	Tích cực
Chứng quyền đảm bảo (CW) dự kiến hoạt động 28/6	Tích cực, dòng tiền lưu chuyển mới
Các ETFs công bố và cơ cấu danh mục quý II: lần lượt 7/6 và 14/6, FTSE VN và VNM công bố và giao dịch từ 17-21/6.	Tăng thanh khoản
MSCI công bố xếp hạng thị trường vào 20/6	VN nhiều khả năng chưa nâng hạng, những cập nhật sẽ định

	hướng thay đổi trong năm tới
Cuộc gặp 2 nguyên thủ Mỹ - Trung tại Hội nghị thượng đỉnh G20 vào cuối tháng 6, với kỳ vọng khai thông bế tắc cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung	Tác động mạnh đến các thị trường và tâm lý NĐT
FED họp chính sách từ 18/6 – 19/6, tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ hiện tại.	Ổn định các thị trường
Cuộc họp kỳ 176 OPEC và cuộc họp thứ 6 giữa OPEC và các nước sản xuất dầu ngoài OPEC từ 25-26/6 đánh giá và xem xét lại khả năng tiếp tục cắt giảm sản lượng dầu	Ảnh hưởng đến giá dầu

Nguồn: BSC Research

Thị trường đang nhanh chóng giảm trước áp lực cơ cấu danh mục của ETFs cùng với tâm lý và dòng tiền suy yếu. VN-Index đang kiểm tra ngưỡng hỗ trợ 950 điểm với thanh khoản thấp. Các nhóm cổ phiếu lớn và các ngành chủ chốt sẽ sớm quay lại hỗ trợ thị trường. VN-Index tiếp tục dự báo sẽ vận động 950 điểm - 1,000 điểm trong tháng 6. Xu hướng giảm điểm lập đáy trong tuần đầu tháng 6, sau đó ổn định và hồi phục dần vào cuối tháng.

- Trường hợp tích cực, VN-Index giữ trên 950 điểm và sẽ kiểm tra 1,000 điểm. Thanh khoản tăng dần vào cuối tháng với sự luân chuyển các ngành và hoạt động đón đầu KQKD quý II.

- Trường hợp tiêu cực, VN-Index có thể giảm dưới 950 điểm nếu có những thông tin bất lợi từ thế giới.

NĐT có thể tham khảo một số chủ đề, và các báo cáo cập nhật trong các tháng:

- Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng Ngành năm 2019 ([Link](#)) và Báo cáo triển vọng ngành quý II ([Link](#));
- Nhóm cổ phiếu Cảng biển, Dệt may, Thủy sản, Đồ gỗ nội thất và Khu công nghiệp hưởng lợi từ hiệp định thương mại và chuyển dịch sản xuất từ chiến tranh thương mại;
- Nhóm cổ phiếu giao dịch dựa vào từ biến động từ NVL và giá dầu;
- Các cổ phiếu có tính phòng thủ cao như Điện, Công nghệ thông tin – bưu chính, Tiêu dùng bán lẻ có mức tăng trưởng và cổ tức cao;
- Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo chiến lược ngành quý IV ([Link](#)), các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: BSCV <GO>

